

**ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT
HOA NGHIÊM KINH TÙY SỚ DIỄN
NGHĨA SAO
QUYỂN 50**

- Sớ câu: “Như nơi phẩm Bất Tư Nghị, trong mười thứ pháp dừng kiện, pháp thứ nhất nói”: Kinh viết: “Nghĩa là thân của tất cả chư Phật là chẳng thể hủy hoại, mạng chẳng thể đoạn diệt” ... Cho đến nói: “Tám bộ chúng Trời, Rồng, đem hết mọi uy lực của mình, mưa xuống các thứ núi lớn, rắn chắc như kim cương, như núi Tu di, núi Thiết Vi, biến hiện khắp Tam thiên đại thiên thế giới, trong một lúc cùng tuôn xuống, cũng chẳng có thể khiến cho tâm Phật có sự kinh sợ, thậm chí đến một sợi lông nơi thân Phật cũng không một chút dao động”.

- Sớ câu: “Gồm đủ chi tiết nơi sức mạnh củ Na La Liên”: Tức nơi kinh đại Bát Niết-bàn, Bắc bản là quyển thứ mười một, Nam bản là quyển thứ mười, Phẩm Hiện Bệnh. Nhân đức Phật hiện bệnh, nằm nghiêng, Bồ tát Ca Diếp cho là lạ, nêu câu hỏi: “Như Lai đã lìa mọi tật bệnh, khổ não, cơ sao lại nằm nghiêng vì bệnh, liền nêu so sánh về diệu lực của Phật, nói: “Như sức mạnh của mười con bò nhỏ chẳng bằng sức mạnh của một con bò lớn. Sức mạnh của một con bò lớn không bằng sức mạnh của một con Thanh Ngưu. Sức mạnh của mười con Thanh Ngưu không bằng sức mạnh của một con voi thường. Sức mạnh của mười con voi thường không bằng sức mạnh của một con voi rừng. Sức mạnh của mười con voi rừng không bằng sức mạnh của một con voi bốn ngà. Sức mạnh của mười con voi bốn ngà không bằng sức mạnh của một con voi trắng nơi núi tuyết. Sức mạnh của mười con voi trắng nơi núi tuyết không bằng sức mạnh của một Hương tượng. Sức của mười Hương tượng không bằng sức của một con Thanh tượng. Sức của Thanh tượng không bằng sức của một con Hoàng tượng. Sức của mười Hoàng tượng không bằng sức của một Xích tượng. Sức của mười Xích tượng không bằng sức của một Bạch tượng chúa. Sức của mười Bạch tượng chúa không bằng sức của một Sơn tượng. Sức của mười Sơn tượng không bằng sức của một Ưu bát la tượng. Sức của mười Ưu bát la tượng không bằng sức

của một Phân đà lợi tượng. Sức của mười Phân đà lợi tượng không bằng sức của một đại lực sĩ. Sức của mười đại lực sĩ không bằng sức của một Bát kiện đề. Sức của mười Bát kiện đề chẳng bằng sức của một Bát tý Naladiên. Sức của mười Bát tý Naladiên chẳng bằng sức một lóng tay của Bồ tát thập trụ... Cho nên biết diệu lực của Phật là chẳng thể nghĩ bàn”.

- Sở câu: “Trí Luận, quyển thứ mười sáu nói: Như Rồng độc...”:
Luận viết: “Như có người hỏi: Đã biết về Tướng của Giới. Vậy thế nào là Trí giới Ba-la-mật? Đáp: Có người nói: Bồ tát giữ giới thà tự mất thân mạng chứ không hủy phạm giới nhỏ, đó là trì giới Ba-la-mật. Như trong kinh Tô đà ma vương đã nêu giảng, không tiếc thân mạng để bảo toàn giới cấm. Như bản thân của Bồ tát từng làm Rồng độc có sức mạnh lớn. Nếu chúng sinh nào đứng trước thân Rồng độc, sức lực yếu kém thì Rồng chỉ giương mắt nhìn là chết ngay! Nếu là kẻ có sức lực mạnh mẽ thì Rồng phà khí độc tới là chết liền. Rồng ấy từng thọ giới cấm trong một ngày, xuất gia cầu tịch tĩnh, nên vào rừng cây an tọa tư duy, hồi lâu mệt mỏi nên ngủ thiếp đi. Theo cách của Rồng thì lúc ngủ lại hiện hình như Rắn. Thân có những lần đốm như màu sắc xen tạp của bảy báu. Người thợ săn trông thấy hết sức ngạc nhiên và mừng, nói: “Loại da này thật ít có, khó tìm được, nếu dâng lên quốc vương để dùng làm y phục, trang sức thì thật là thích hợp!”. Thế rồi bèn dùng gậy đè nơi đầu Rồng, lấy dao bén róc lột da. Rồng tự suy niệm: Sức lực ta đúng theo ý thì có thể làm nghiêng ngửa cõi nước này như trở bàn tay. Người này là vật nhỏ há có thể làm cho ta khốn đốn? Nhưng ta hôm nay trì giới nên chẳng kể đến thân này được! Sẽ theo lời Phật dạy nên phải tự nhẫn nhục. Mắt nhắm lại như ngủ chẳng thấy, hơi độc cũng ngăn lại chẳng thở ra. Vì giữ giới nên thương xót kẻ thợ săn này, một lòng chịu sự lột da, chẳng dấy ý hối tiếc. Đã bị mất lớp da mà máu thịt cũng rơi vãi nơi đất. bấy giờ, trời nắng nóng bức, nên Rồng xoay sở từ chỗ đất trống xuống tới nơi có vũng nước lớn, thấy có các loài trùng nhỏ tìm đến rúc rĩa thân Rồng, vì trì giới nên Rồng không dám làm kinh động, tự suy nghĩ: “Ta nay với thân này đem bố thí cho các loài trùng vì cầu Phật đạo, dùng thịt nơi thân bố thí cho các loài kia thân xác được no đủ. Sau này khi thành Phật sẽ dùng chánh pháp bố thí, tạo lợi ích nơi tâm cho các loài”. Thệ nguyện như vậy xong thì thân khô lại rồi qua đời, liền sinh lên cõi Trời Đạo Lợi...” Rồng độc thời bấy giờ nay là thân Như Lai, Phật Thích Ca Mâu Ni. Người thợ săn nay là Đề Bà đạt đa cùng đám lực sư ngoại đạo. Các loài trùng nhỏ, tức nay là, tám vạn chư thiên đạt

đạo khi Phật Thích Ca Mâu Ni đầu tiên chuyển pháp luân. Bồ tát giữ giới không hề tiếc đến thân mạng, không chút hối tiếc, sự việc là như thế gọi là Trì giới Ba-la-mật.

Giải thích: Tuy gốc nêu rõ về Giới mà cũng chính là Bồ thí da. Kinh Bồ tát Bản Duyên cũng có sự tích này, câu chuyện lại được diễn rộng. “Trước là nói về Rồng lớn có uy lực lớn lao, hoặc hóa làm thân người cùng với các Long nữ vui chơi thích thú. Rồi Rồng tìm đến một nơi sâu kín trong núi Tỳ đà. Loài chim cánh vàng muốn ăn thịt Rồng nên tìm tới các núi, phá nát các chỗ ao suối khiến đều khô cạn. Các Rồng, đám Long nữ đều hóa làm người nữ cùng đến giúp sức với Rồng chúa. Rồng chúa vì chim cánh vàng mà giảng nói về pháp của tâm từ bi, khiến chim tỏ ngộ, trở về cung cũ của mình. Thế rồi Rồng chúa lại vì đám Rồng quyến thuộc mà giảng giải về pháp của tâm từ bi, khiến tất cả phải thực hành thể hiện lòng từ. Sau đó, Rồng chúa rời bỏ chốn huyền ảo, tìm nơi vắng vẻ, vào tận núi sâu giữ trai giới, nhiều ngày khốn khó, chỉ nằm tạm để nghỉ ngơi. Bèn gặp kẻ ác...” Phần còn lại thì giống với Trí Luận đã nêu dẫn ở trên

- Sơ câu: “Cùng với kinh Bồ tát Bản Duyên Tập, quyển thứ tư nói”: Kinh viết: “Về thời quá khứ xa xưa, Bồ tát bị đọa trong hàng súc sinh, thân thọ loài Nai, hai bên hông có màu vàng ròng, nơi sống lưng có màu giống như lưu ly, các nơi còn lại trên thân thì màu sắc xen tạp đủ loại, đùi vế thì màu như xà cừ, sừng thì như kim tinh, thân tướng đẹp đẽ, uy nghiêm như kho tàng bảo báu. Màu sắc nơi thân rực rỡ khác nào như mặt trời mới mọc. Chư thiên đều kính trọng nên đặt tên là “Nai màu sắc vàng ròng” (Kim sắc lộc). Nai khéo lãnh hội tiếng người nói, luôn vì đám Nai cùng loại giảng giải về chánh pháp đem lại lợi ích lớn...” Phần sau là tóm lấy ý để nêu dẫn: “Nai thân sắc vàng ròng” đi đến chỗ bờ sông. Lúc này mưa nhiều, nước sông phá bờ chảy xiết cuốn theo cây to nơi bờ. Lại thấy một người chìm theo dòng nước lũ nên Nai chúa vội lao mình xuống sông để cứu. Người này thoát chết bèn thưa với Nai chúa: “Ngài chính là cha mẹ đã sinh ra tôi một lần nữa, làm sao để báo đáp được ân đức này?” Nai chúa nói: “Ta không cần sự báo ân. Chỉ do nơi thân tướng có màu da vi diệu nên luôn sợ con người nhìn thấy. Vậy người chớ nên nói với ai là đã trông thấy ta! Người biết ân thì có đủ công đức. Kẻ chẳng biết ân sẽ thọ nhận quả báo đau khổ.” Nhưng rồi kẻ ấy đã bội ân cứu mạng, đem sự việc mình gặp Nai chúa tâu lên nhà vua. Vua liền sai kẻ hầu chuẩn bị xa giá rồi khiến kẻ đến tâu vua dẫn tới chỗ ở của Nai chúa. Nai chúa đang lúc ngủ say, có chim

mổ vào tai, tỉnh giấc thì trông thấy binh lính của nhà vua đang đến gần chỗ mình. Nai chúa an ủi đám nai quyến thuộc: “Nhà vua vì ta mà tới đây, các người chớ nên kinh sợ!” Cùng lúc kẻ bị chết chìm được cứu sống ấy đến gần vua, đưa tay chỉ rõ, tâu “Đây là Nai chúa” thì hai tay liền rụng xuống đất. Vua trông thấy sự việc bèn xuống ngựa, đi tới chỗ Nai chúa. Nai chúa lại an ủi vua chớ nên sợ hãi: “Tôi đã bố thí pháp vô úy cho hết thủy chúng sinh.” Vua lại nói: Ngài đã bố thí pháp vô úy cho tất cả chúng sinh vì sao khiến người kia rơi rụng hai tay? Vua tán thán rồi nói: “Ngài tuy mang thân loài thú nhưng chẳng phải thực sự là hàng súc sinh”. Nai chúa thưa: “Như người phạm pháp nặng của quan tất phải gánh chịu tội lỗi. Người này tự tạo tội tự nhận lấy quả báo.” Vua nghe nói thế liền quỳ xuống chấp tay thưa: “Kể từ hôm nay xin quy y...”. Lại ban lệnh cấm cho người dân trong nước không được săn bắn giết hại các loài vật. Diễn rộng như nơi kinh kia đã nêu.

Lại có kinh Cửu Sắc Lộc, sự việc hoàn toàn giống như trên. Song Nai chúa gọi là “Cửu Sắc”. Lại nữa, phu nhân của nhà vua đêm nằm mộng rồi ngã bệnh. Vua vì muốn có được nai quý để chữa trị bệnh cho phu nhân nên đã hứa sẽ chia cho nửa nước. Người bị chìm nơi sông được cứu sống kia vì tham lợi nên đã yết kiến vua, tâu là mình biết chỗ của Nai quý, tức thì kẻ ấy bị lở loét... Phần cuối tóm kết: Nai quý thời ấy nay là thân Phật. Nhà vua nay là phụ vương, phu nhân của vua nay là Tiên đà lợi, con quạ nay là Tôn giả A Nan, kẻ bị chìm sông được cứu sống nay là Điều Đạt...

- Số câu: “Trong nguyện nói: Tướng tốt nơi bên ngoài da, nghĩa là màu sắc vàng ròng”: “Tướng” tức là trong ba mươi hai tướng tốt là tướng thứ mười lăm, da nơi thân có màu vàng ròng. “Tốt” tức trong năm mươi vẻ đẹp kèm theo là vẻ đẹp thứ mười sáu, nơi thân của đức Thế Tôn là làn da mịn màng mềm mại, tươi sáng, tinh khiết, mọi thứ bụi bặm không thể bám vào.

- Số câu: “Nhỏ thon dài, là sự lượng tính”: Là căn cứ thẳng nơi sự việc mà nêu lên. Nếu căn cứ theo chỗ “Tướng tốt” thì “Thon dài” là Tướng, thứ ba trong ba mươi hai tướng. “Tròn trịa” là vẻ đẹp thứ hai. “Như màu đồng đỏ” là vẻ đẹp thứ nhất. “Có thể thấu tóm” là diệu lực tức nắm giữ cả pháp giới, nên cũng là vẻ đẹp thứ năm mươi ba.

- Nói “Vẻ đẹp kèm theo”: Là nêu lên tổng quát. Do một câu này, văn biện minh riêng là diệu lực, là sắc tướng v.v... Cũng nơi Luận Du Già nêu lên hai mươi thứ đều thù thắng, vi diệu, tức là nơi hai mươi vẻ đẹp kèm theo.

“Bằng nhau, đều đặn chẳng so le” tức là vẻ đẹp kèm theo thứ ba, gọi là đều đặn không sai biệt.

“Luân tướng v.v...” tức vẻ đẹp kèm theo thứ tám mươi. Ở trên nói vẻ đẹp thứ tám mươi là vẻ chân tay của đức Thế Tôn, cùng phía trước ngực bụng đều có tướng về đức tu hành... hoa văn giống như nét vẽ đẹp...

- “Sắc giống như ngọc đỏ, mặt trong đều có”: “Bản Na Già Trá” đây gọi là “Mãn bình” (Bình đầy đặn). “Tắc phược tất để ca” đây gọi là “Hữu lạc” (có sự an lạc). Cho nên viết: “Lời viên mãn” thì nên nói là “Bình đầy đặn”. “Xoay về bên phải” thì nên nói là “Có sự an lạc”. Về từ “xoay về bên phải”, tiếng Phạm là “Nan-đề-ca-vật-đa”.

- “Nên nếu dựa theo kinh Quán Phật Tam muội Hải”: Tức nói quyển thứ nhất, phẩm Quán Tướng.

- Sở câu: “Như màu đồng đỏ” Tức là tướng tốt nhỏ. Là vẻ đẹp kèm theo thứ nhất.

- Nói: “Về các móng tay móng chân thì không cấu nhiễm bụi dơ”: Cũng là vẻ đẹp kèm theo thứ nhất. Lại, về vẻ đẹp kèm theo thứ nhất nói: “Về móng tay của đức Thế Tôn thì thon dài, mỏng, láng, nhọn, tươi đẹp, sắc như màu đồng đỏ”. Cho nên nêu đủ hai phần.

- Sở câu: “Bát-nhã Ba-la-mật giống như đồng lửa lớn”: Tức lời của Bồ tát Long Thọ tán dương về Bát-nhã. Đến xứ của Thiện tri thức “Thắng Nhiệt” sẽ nêu dẫn rộng để giải thích.

- Sở câu: “Bốn một là cầu pháp để nhảy vào lửa”: Nơi ba địa có văn nói về điều này. Lại, như nơi kinh Hiền Ngu nêu: “Về thời quá khứ lâu xa, cách nay vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, nơi cõi Diêm phù đề này có một quốc vương tên là Phạm Thiên Vương, vua có Thái tử tên là Đàm Ma Kiềm rất mến mộ chánh pháp, từng đi khắp bốn phương để cầu đạo nhưng chẳng có kết quả gì, nên càng buồn bã sâu não. Trời Đế Thích bèn hóa làm một Bà-la-môn đi tới cung vua. Vua mừng rỡ mời thăng tòa giảng nói pháp diệu. Bà-la-môn nói: “Việc học pháp diệu là hết sức khó khăn! Làm sao thuyết giảng được!” Thái tử hỏi rõ sự việc. Bà-la-môn đáp: “Như có thể tạo một hầm lửa lớn, sâu mười trượng, trong hầm chất đầy củi cháy rực, rồi tự lao mình vào đấy để cúng dường, thì ta mới trao truyền chánh pháp!” Thái tử thuận theo lời ấy, các quan đều can gián. Vị Bà-la-môn nói: “Ta chẳng nài ép, nếu không thực hiện các việc như thế thì tôi chẳng thể thuyết giảng chánh pháp được!” Vua cha biết ý Thái tử đã quyết nên khiến kẻ tả hữu cõi loài voi quý có thể đi hàng tám ngàn dặm, bố cáo cho tất cả dân chúng được biết, Thái tử

Đàm ma Kiềm sau bảy ngày nữa, vì cầu chánh pháp nên sẽ nhảy vào hầm lửa. Các tiểu vương xa gần nghe tin đều kéo về kinh đô vua Phạm Thiên Vương, ai nấy cũng buồn thương, khuyên can. Thái tử nói với mọi người: “Ta từ hồi nào tới giờ, trong nẻo sinh tử luân hồi đã xả bỏ vô số thân mạng, như trong kiếp người vì tham lam nên lại tàn hại lẫn nhau, ở cõi trời thọ mạng hết, phước tận thì cũng trở lại sầu khổ, nơi địa ngục bị bao nỗi khổ của lửa dữ, nước sôi hành hạ, bức bách v.v... chưa từng vì chánh pháp mà xả bỏ thân mạng. Ta nay đem thân cấu uế này vì chánh pháp mà cúng dường, sao các vị lại cản ngăn?”. Rồi Thái tử trước thỉnh vị Bà-la-môn giảng nói pháp. Bà-la-môn nói kệ:

*“Tâm từ luôn thể hiện
Dứt sạch tướng sân khuể
Đại bi thương chúng sinh
Thương xót xa tuôn lệ
Tu tập tâm đại hỷ
Đem pháp đã đạt được
Cứu giúp khiến phát tâm
Chính là hạnh Bồ tát”.*

Thái tử nghe giảng nói pháp xong liền lao mình vào hầm lửa. Đế Thích cùng vua cha đều chấp tay tán dương mà nói: “Hết thấy các loài đều nhờ nơi Thái tử mà được an lạc. Sao lại nhảy vào lửa để làm mất đi bậc cha mẹ của họ?” Thái tử đáp: “Vì dốc cầu đạo vô thượng nên không hề tiếc thân mạng”. Tức thì lao người vào lửa. Bấy giờ, hầm lửa liền biến thành ao hoa, Thái tử an nhàn ngồi nơi đài hoa sen. Chư Thiên mưa vô số các thứ hoa quý để cúng dường... Vua Phạm Thiên thời ấy nay là vua Tịnh Phạn.”

- Số câu: “Như nơi thành Hương xương nát, nơi đỉnh Tuyết quên thân”: Câu dưới tức nơi kinh Đại Bát Niết-bàn. Câu trên tức nơi kinh Đại Bát-nhã. Văn nơi kinh Đại Bát-nhã nêu giảng rộng. Nay dựa theo kinh Đại phẩm quyển thứ hai mươi bảy để nêu dẫn tóm lược. Kinh viết: “Phật bảo Tôn giả Tu Bồ Đề: Đại Bồ tát dốc cầu Bát-nhã phải như Tát Đà Ba Luân (đây gọi là Thường Đề), vì muốn cầu đạt Bát-nhã mà không tiếc thân mạng. Nghe nơi không trung có tiếng nói: “Ông nên đi về hướng đông, chớ ngại khổ nhọc, tức sẽ được lãnh hội”. Bồ tát Thường Đề nghe xong, suy nghĩ: “Khiến ta đi về hướng đông, vậy vào lúc nào, chốn nào thì sẽ được nghe pháp Bát-nhã?” Thế rồi Bồ tát đứng yên một chỗ, than khóc trải qua bảy ngày. Trong hư không có Phật nói với Bồ Tát: “Từ đây đi về hướng đông trải qua năm trăm do tuần, có

một thành tên là Chúng Hương. Ở đây có vị Bồ tát tên là Đàm Vô Kiệt (đây gọi là Pháp Thượng), trong một ngày ba thời giảng nói về Bát-nhã Ba-la-mật!” Bồ tát Thường Đề tâm niệm muốn đi tới nơi ấy liền được vô lượng pháp môn Tam muội, chư Phật an ủi, khuyến khích rồi hốt nhiên biến mất.

Bồ tát Thường Đề muốn được gặp Bồ tát Pháp Thượng, tự nghĩ mình nghèo khó không lấy gì để cúng dường bèn tính rao bán thân mình. Giữa đường có thành, do vì Ma ngăn che nên trong thành không ai nghe tiếng rao kia, chỉ mỗi mình cô gái con một trưởng giả là nghe được. Bấy giờ, Trời Đế Thích hóa làm một người Bà-la-môn nói với Bồ tát Thường Đề: “Tôi xin mua ông, không cần cả người, chỉ cần máu tủy của ông dùng để tế Trời thần!” Bồ tát bèn đâm vào cánh tay bên trái cho máu chảy ra, cắt thịt nơi đùi trái bên phải, lại sắp đập xương để lấy tủy. Lúc này, cô gái nhà trưởng giả, từ trên lầu trông thấy, bèn xuống tới chỗ Bồ tát hỏi rõ sự việc. Bồ tát nói: “Tôi muốn cúng dường Bồ tát Pháp Thượng để cầu được nghe pháp Bát-nhã!” Cô gái nhà trưởng giả liền xin Bồ tát dừng lại, khỏi phải bán thân, hứa là sẽ cung cấp mọi thứ cần dùng, rồi cùng với Bồ tát đi gặp Bồ tát Pháp Thượng. Trời Đế Thích hiện lại nguyên hình, thưa: “Tôi chỉ thử Ngài đấy thôi! Vậy muốn đạt nguyện gì?” Đáp: “Muốn đạt được quả Bồ đề vô thượng!” Đế Thích nói: “Đó là cảnh giới của Phật, vượt quá năng lực của tôi! Thế có chỗ cầu mong gì chăng?” Đáp: “Xin khiến thân hình trở lại như cũ!” Đế Thích chấp thuận. Tức thì thân tướng của Bồ tát bình phục lại như trước.

Giải thích: Đây tức là “Xương nát”. Nói: “Thành Hương” tức thành Chúng Hương gồm bảy lớp kia nhằm đi đến đó. Rồi Bồ tát Thường Đề lại đi tới thành ấy, chích máu rưới nơi đất...

- Nói “Đỉnh Tuyết quên thân”: Tức nơi kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ mười bốn, phẩm Thánh Hạnh nêu rõ: “Thời xa xưa, đức Thế Tôn ở nơi núi Tuyết tu tập, dốc cầu đạo giác ngộ. Trời Đế Thích bèn hóa làm quỷ La sát đi đến gần chỗ Bồ tát tu hành nói nửa bài kệ:

*“Các Hành vô thường
Là pháp sinh diệt”*

Bồ tát vừa nghe xong liền vén tóc, đưa mắt nhìn khắp, thấy quỷ La sát, tỏ ý nghi ngờ, vì thấy La sát thân tướng đáng sợ. Lại suy nghĩ: “Hoặc là quỷ này ở nơi chỗ Phật thời quá khứ đã được nghe chăng?” Liền tìm đến chỗ quỷ, hỏi: “Ông ở nơi chốn nào mà học được nửa bài kệ của chư Phật quá khứ như vậy?” La sát nói: “Tôi bị đói khát nhiều ngày, không có gì để ăn nên nói như thế!” Bồ tát thưa: “Chỗ ông nói

vừa rồi ý nghĩa chưa trọn. Xin ông vì tôi mà nói đủ, tôi sẽ trọn đời làm đệ tử ông, cung cấp đầy đủ các thứ cần dùng” La sát nói: “Tôi nay đói khát lắm rồi, không thể nói được nữa.” Bồ tát hỏi: “Ông cần ăn uống gì?”

Quỷ đáp: “Thứ để ta uống là máu nóng của người, còn thức ăn là thịt người, cũng tươi nóng! Ta đã đi cùng khắp nơi chốn mà chẳng có được.” Bồ tát thưa: “Hãy vì tôi mà nói đủ bài kệ, sau khi nghe xong, tôi xin dâng thân này cho ông”. La sát nói: “Ai có thể tin lời ông nói?” Đáp: “Thích Đế Hoàn Nhân, Đại Phạm Thiên Vương đều biết được tâm ý của người khác. Lại có chư Phật, Bồ tát chứng minh.” Rồi Bồ tát cỡi y phục trải lên tòa cao, quỷ La sát an tọa xong, bèn nói nửa bài kệ còn lại:

*“Sinh diệt diệt rồi
Tịnh diệt là vui”.*

Quỷ La sát bảo: “Kệ đã nói xong rồi, ông phải dâng nộp thân mạng! Bấy giờ, Bồ tát suy nghĩ sâu xa về ý nghĩa của bài kệ, lại biên chép lên đá, lên vách, lên cây, bên đường đi, xong thì leo lên cây cao và nhảy xuống đất. Chưa tới đất thì trong hư không phát ra vô số âm thanh tán dương Bồ tát, trên đến cõi Trời A-ca-ni-trá. Trời Đế Thích bèn hiện lại nguyên hình, đỡ lấy Bồ tát đặt ở chỗ đất bằng phẳng, tán thán: “Lành thay! Đích thật là Bồ tát ắt sẽ thành bậc Chánh giác. Mong được thấy sự hóa độ muôn loài” Đế Thích đánh lễ nơi chân rồi đi. Nhân đấy Như Lai đã vượt Bồ tát Di Lạc đến mười hai kiếp, thành Phật trước”.

- Nói “Về loại ấy chẳng phải là một”: Tức như kinh Bồ tát Bản Duyên nói: “Vua Kiền Xà Na Lê ưa thích chánh pháp, ban chiếu khắp chốn thỉnh cầu các bậc hiền đức. Có người Bà-la-môn theo lời thỉnh cầu của nhà vua đi đến hoàng cung, khiến vua phải khoét thân mình làm ngàn ngọn đèn thấp sáng trong bảy ngày để cầu đạo. Vua cho tập hợp hàng quyến thuộc bày tỏ chí nguyện, rồi tự khoét thân thành ngàn ngọn đèn, mỗi ngọn đèn lớn bằng đồng tiền, đổ đầy dầu vào rồi thỉnh nói pháp. Bà-la-môn nói kệ:

*“Cái thường đều dứt
Nơi cao cũng rơi
Hội hợp có lìa
Sinh tất có tử”*

Vua nghe kệ xong thì đốt đèn nơi thân, lại phát nguyện: “Nguyện thành tựu đạo quả Bồ đề thấp lên ngọn đèn chánh pháp lớn, ánh sáng

soi chiếu khắp mọi nơi!” Đế Thích hỏi: “Có hối tiếc gì chăng?” Đáp: “Không chút hối tiếc. Nếu không hư dối thì xin nơi thân tướng bình phục như cũ!” Vừa dứt lời thì than thế nhà vua lành lặn như trước.

Kinh Hiền Ngu quyển thứ nhất cũng có nói đến sự tích này. Vua tên là Kiên Xà Bà Lê, lại có việc đóng đinh vào thân ngàn chỗ. Kinh đại Niết-bàn quyển thứ hai mươi hai cũng thuyết minh trường hợp phải rao bán thân để cầu chánh pháp... Nơi kinh Hoa Nghiêm quyển thứ tám mươi, Bồ tát Phổ Hiền tự nói về nhân duyên cầu pháp, và trong phần Ba địa cũng nói việc cầu pháp trong ngoài đều không sen tiếc.

- Sơ câu: “Luận Câu Xá nói về việc ngày xưa có quan Hoàng môn đã cứu năm trăm con bò sắp bị hủy hoại hình tướng”: So với sách Tây Vực Ký, quyển thứ nhất thì nội dung hoàn toàn giống nhau. Sách viết: “Nước Quạt Chi, tên cũ gọi là nước Quy Tư, bên ngoài cửa thành lớn phía tây, hai bên đường đi đều có đặt tượng Phật, cao hơn chín mươi thước, năm năm thì tổ chức một lễ hội lớn. Về phía Tây bắc, vượt qua sông thì đến Già lam A Xà Lý Nhị, đời Đường gọi là Kỳ Đặc. Tương truyền rằng thời xưa, ở nước này vị tiên vương rất sùng kính Tam Bảo, khi sắp du hành đến nhiều nơi để chiêm bái các Thánh tích, bèn sai vương đệ cùng mẹ trông coi xử lý mọi việc trong cung. Vương đệ thọ mạng vua, riêng nghĩ xa gần, nên tự cất toàn bộ dịch hoàn (thiến) để đề phòng sự việc chưa manh nha, gói lại bỏ vào hộp vàng, mang dâng lên vua. Vua hỏi: “Đây là vật gì?” Thưa: “Ngày xa giá hồi cung sẽ xin mở hộp!” Vua bèn giao phó công việc... Ngày trở lại hoàng cung vua được mật tâu:” Người được vua trông coi việc nước đã có sự dâm loạn trong cung”. Vua nghe việc này thì hết sức giận dữ, muốn dùng hình phạt để nghiêm trị. Vương đệ tâu: “Chẳng dám trốn tránh trách nhiệm xin vua mở hộp kia!” Vua bèn cho mở hộp, trông thấy, mới biết vương đệ đã tự hoạn thân hỏi: “Vật lạ như thế này là nhằm bày tỏ điều gì?” Vương đệ thưa: “Vua ngày trước đi du hành đã giao phó thần xử lý mọi việc nơi cung, sợ có kẻ sàm tấu gieo vạ nên đã tự hoạn, để làm rõ sự tình. Nay quả nhiên có sự sàm tấu ấy, xin vua minh xét!” Vua hết mực quy kính, tình yêu mến tin tưởng nơi vương đệ càng tăng. Vương đệ từ đó ra vào nơi cung không bị ngăn ngại gì cả. Về sau, vương đệ ra ngoài gặp một người đàn ông đang lừa năm trăm con bò đem đi thiến. Vương đệ trông thấy, tâm tư càng nhớ đến hoàn cảnh của mình: “Ta nay hình tướng không đầy đủ như vậy há chẳng phải do nghiệp từ đời trước?” Bèn lấy của cải, vàng bạc chuộc lại đàn bò kia. Nhờ diệu lực của việc từ thiện ấy, mà nam căn lại đầy đủ như cũ. Do hình tướng như cũ nên vương đệ

không vào cung nữa. Vua cho là lạ, hỏi, mới tâu rõ đầu đuôi sự việc. Vua cho là điều kỳ lạ, đặc biệt, bèn cho lập Già lam, lại cho lập nhà kỉ niệm để biểu dương sự tích tốt đẹp, truyền lại tiếng thơm cho đời sau. Theo đấy mà đặt tên cho Già lam là “Kỳ đặc”.

- Số câu: “Bốn là đúng như chỗ nêu giảng mà tu tập”: Từ đây trở xuống, phần còn lại của kinh viết: “Thiện nam! Hoặc nam hoặc nữ nếu gồm đủ bốn pháp mới được gọi là Trượng phu. Như có hàng nam tử không đạt đủ bốn pháp ấy thì chẳng được gọi là trượng phu Vì sao? Vì thân tuy là nam nhi mà hành động thì giống với hàng súc sinh. Như Lai đã điều phục, dù là nam, nữ, do đó Phật có tôn hiệu là Điều Ngự Trượng Phu”.

- Số câu: “Lại nơi phẩm Tứ Tướng nêu đủ bốn Tướng”: Phẩm Tứ Tướng là thuộc kinh đại Bát Niết-bàn, nam bản. Bắc bản tức nơi phẩm Như Lai Tánh, quyển thứ tư. Nói bốn Tướng là:

Một: Tự chánh.

Hai: Chánh tha.

Ba: Có thể theo chỗ hỏi đáp.

Bốn: Khéo lãnh hội về nghĩa nhân duyên.

Phần trước cũng đã dẫn. Ý cho rằng: “Tự chánh” tức tin tưởng nơi Tam Bảo là thường trụ không dời đổi, thà dùng dao bén cắt lưỡi chứ trọn không hề nói Như Lai, chánh pháp và Thánh tăng là vô thường. Hai, “Chánh tha” là tùy theo căn cơ thọ nhận giáo pháp, nếu là kẻ Trí kém thì nên giảng nói về vô thường v.v... Đối với các hàng đại trí đáng giáo hóa thì nên giảng nói đầy đủ về thường, vô thường v.v... Ba là “Tùy theo chỗ hỏi - đáp” tức khéo nhận biết về ý của Như Lai có sự hạn chế trong việc giảng nói, theo chỗ hỏi mà nói. Như có người hỏi: “Làm thế nào chẳng phải mất tiền của mà được gọi là đàn việt bố thí lớn?” Phật bảo: “Đem rượu thịt bố thí cho người đã dứt bỏ rượu thịt. Đem đồ vật trang sức bố thí cho người không dùng vật trang sức... Như vậy là không tổn mảy may tiền của mà danh tiếng bố thí vang khắp.” Bồ tát Ca Diếp theo đấy liền thưa: “Với người ăn thịt chẳng nên đem thịt bố thí...” Nhân tiện, đức Phật giảng nói rộng về việc “Cấm đệ tử ăn thịt”. Ngày trước mở ra ba loại (tam tịnh nhục) chỉ là giảm dần tâm tham đó vậy. Bốn là “khéo lãnh hội về nghĩa nhân duyên”, ý nói: Nhận biết Phật do nhân duyên gì mà thời kỳ đầu chẳng thuyết giảng về pháp sâu xa, chẳng chế tác rộng về giới luật; sau này mới nêu giảng. Do biết chưa thể lãnh hội nổi nên trước chưa nói, vì chưa có lỗi lầm nên chẳng chế tác giới luật rộng khắp, tùy sự lỗi lầm mà bỏ khuyết.

Nhưng bốn tướng này là để chúng sinh được nghe kinh Đại Bát Niết-bàn, đó là chủ thể khai mở đức dụng, nói chung đều là lợi tha. Nếu nói riêng thì tướng thứ nhất là tự lợi, tự hành hóa; chẳng phải là tà nên gọi là chánh. Ba tướng sau là lợi tha; khiến lìa bỏ sai lầm của tà nên gọi là “Chánh tha”. Một chánh này là Thể của Hạnh Lợi tha. Hai tướng sau là đức của sự hóa độ. Có thể tùy thuận hỏi - đáp, biết rõ nghiệp dụng của pháp tự tại theo chỗ hỏi mà khéo léo giải đáp, và thứ tư là thấu đạt căn tánh, khéo nhận biết về nhân duyên nên tùy theo căn cơ mà giáo hóa trao truyền.

Trên nêu ra, là căn cứ theo “chủ thể khai mở” mà nói. Nếu dựa nơi “Đối tượng được khai mở” là bốn Tướng. Kinh viết: “Lại nữa, “Tự chánh” là đạt được Đại Bát Niết-bàn ấy. “Chánh tha”, là Ta vì Tỳ kheo mà thuyết giảng nói Như Lai là thường trụ, bất biến. “Tùy theo hỏi - đáp”, như nhân nơi câu hỏi của Bồ tát Ca Diếp, nên đã được đức Như Lai vì các Đại Bồ tát, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di giảng nói rộng về nghĩa lý vi diệu, hết mực sâu xa kia. “Nghĩa nhân duyên” tức như hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thấu rõ nghĩa hết mực sâu xa như thế, chẳng thể lãnh hội chữ Y với ba điểm mà thành Niết-bàn, Giải Thoát; Ma ha Bát-nhã thành Tạng bí mật. Như Lai nay đối với điều ấy, sẽ xiển dương, phân biệt, vì các Thanh văn mà khai mở mắt Tuệ”. Phần còn lại thì diễn rộng như nơi kinh đó. Trong Sở sao đây chỉ chọn lấy việc nhận biết bốn sự kia gọi là Tướng phu thôi.

- Sở câu: “Tuy là nữ nhân” tiếp xuống: Tức cũng nơi kinh Đại Bát Niết-bàn, quyển thứ chín, phần cuối. Đoạn trước là giảng nói rộng về những lỗi lầm của nữ nhân, xong thì nêu: “Thiện nam! do ý nghĩa ấy, nên các thiện nam, thiện nữ được nghe kinh Đại thừa, Đại Bát Niết-bàn này thì phải luôn chê trách về hình tướng nữ nhân, mong cầu được thân nam tử. Vì sao? Vì kinh điển Đại thừa này có nói đến tướng Tướng phu, đó là Phật tánh. Nếu người chẳng biết về Phật tánh ấy thì không phải là tướng nam nhân. Vì sao? Vì chẳng thể tự nhận biết là có Phật tánh. Nếu có người chẳng thể nhận biết về Phật tánh thì Như Lai nói người ấy gọi là nữ nhân. Nếu người có thể tự nhận biết mình có Phật tánh thì Như lai nói người ấy có tướng tướng phu. Như có nữ nhân có thể tự nhận biết mình nhất định có Phật tánh, nên biết những người ấy là nam tử.”

Giải thích: Văn ở đây chứng tỏ năm Tánh đều chẳng phải là Tướng phu. Nếu gồm đủ bốn đức, chẳng phân biệt nam nữ, tức là Tướng phu.

- Sở câu: “Tuy nhiên, bảy nghĩa Tướng phu gồm có nhiều thuyết”:

Văn nơi bản Sở giải nêu ra năm.

Một là dựa nơi Luận Du Già nói về bảy nghĩa Trượng phu, tức trong tám quả dị thực, trừ quả của tài sản, địa vị do thuộc về bên ngoài. Nghĩa của tám quả báo tức nơi Luận Du Già quyển thứ ba mươi sáu, phần đầu của Hội Hưởng này đã nêu dẫn đủ. Trong phẩm Tịnh hạnh cũng đã nêu tóm lược.

- Sở câu: “Hai là dựa nơi Tiểu Thừa có bảy Trượng phu tức bảy bậc Hiền Thánh”: Như nơi Luận Câu Xá phẩm Hiền Thánh đã nói. Phẩm Ly Thế Gian (kinh Hoa Nghiêm) cũng nêu ra bảy loại thiện tri thức, như phẩm Phạm Hạnh đã dẫn.

- Sở từ câu: “Về hành Thí lược nêu các điền” tiếp xuống: Văn bản nơi Sở giải gồm ba:

Một: Tùy chỗ khó mà giải thích tóm lược.

Hai: Nhận định, phân biệt về các điền (ruộng).

Ba: Tổng kết về ý của kinh.

Một: “Nói là người riêng biệt”: Tức là người có của cải tài sản. Nơi kinh Bất Tư Nghị cảnh giới, Bồ tát Phổ Hiền nói: “Lại nữa, Bồ tát vì hộ trì Tam muội, nên khi tùy thuận pháp thí thì không phân biệt về phước điền, oán thân, thiện ác, trì giới, phá giới, giàu sang, bần cùng. Lại tư duy: “Bố thí nơi kẻ giàu có, tuy không có tác dụng, nhưng mình phải tự tu tập, hành Thí.”

Giải thích: Tức có tài sản là “Người riêng biệt”.

- Sở từ câu: “Ở trong pháp Phật” tiếp xuống: Là phần hai, nhận định, phân biệt các loại điền. Gồm bốn chi tiết:

Một là, xác lập chung về năm loại điền: Tức Ân điền, Kính điền, Đức điền, Bi điền và Khổ điền.

Hai là, Từ câu: “Như Kính điền có sự trở ngại” tiếp xuống: Là biện giải về chỗ gồm chung.

Nói: “Trí Luận quyển thứ mười bốn”: Tức như Luận viết: “Lại nữa! Ba sự là nhân duyên phát sinh bố thí: Thứ nhất là Tâm tin tưởng thanh tịnh. Thứ hai là tài sản. Thứ ba là Phước điền. Tâm có ba thứ: Hoặc thương xót. Hoặc cung kính. Hoặc cả thương xót - cung kính. Bố thí cho hạng bần cùng, hạ tiện, cùng các loài súc sinh, là “Bố thí thương xót”. Bố thí cho Phật cùng các pháp thân Bồ tát là “Bố thí cung kính”. Nếu bố thí cho các bậc A-la-hán, Phật Bích Chi già bệnh, bần cùng là “Bố thí cung kính, thương xót”.

Giải thích: Luận chỉ nêu ba câu ấy. Nay có “Chẳng phải là cung kính, chẳng phải là thương xót” tức là “Người riêng biệt” ở trên.

Ba là: Từ câu: “Thâu gồm chung làm hai” tiếp xuống: Nghĩa là Bi điền thâu tóm Khổ điền. Kính điền thâu tóm Ân điền, Đức điền.

Bốn là: Từ câu: “Nhưng hai điền này” tiếp xuống: Là làm rõ chỗ hơn kém. Phần này gồm hai:

Thứ nhất: Dùng ba điền để đối chiếu, biện giải.

Thứ hai: Chỉ căn cứ nơi Kính điền để biện minh.

Nơi phần thứ nhất gồm ba chi tiết:

Một: Căn cứ nơi Trí.

Hai: Căn cứ theo Cảnh.

Ba: căn cứ nơi Bi.

Cũng là: Ba căn cứ nơi Tâm. Hai căn cứ theo Cảnh. Một thì dung hợp cả Tâm - Cảnh. Cho nên gọi là “Dùng Lý để chế ngự Tâm”.

Một: Xác nhận điều nêu trên là dùng Lý chế ngự Tâm, tức Tâm không hai, huống chi căn cứ theo Cảnh mà có phân biệt. Đây tức ý nơi kinh Tịnh Danh quyển thứ nhất, chương Trưởng giả tử Thiện Đức. Thiện Đức ở nơi nhà của cha mình tổ chức hội bố thí lớn, cúng dường tất cả các Sa-môn, Bà-la-môn cùng các ngoại đạo, những người nghèo nàn, thấp kém, cô độc, hành khát thời hạn đủ bảy ngày. Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật đến hội thí nói với Trưởng giả tử Thiện đức: “Nên thiết lập hội pháp thí, cần gì phải làm hội tài thí như thế này!” Hỏi: Thế nào là hội pháp thí? Trưởng giả Duy Ma đáp: “Hội pháp thí thì không trước không sau, trong một lúc cúng dường hết thấy chúng sinh. Đó gọi là hội pháp thí.” Đoạn sau là nói rộng về pháp thí. Trưởng giả tử Thiện Đức phát tâm, cỡi xâu chuỗi ngọc quý cúng dâng Trưởng giả Duy Ma, nhưng Trưởng giả Duy Ma không nhận, phải thưa thỉnh lần nữa thì mới thọ nhận chuỗi ngọc, phân làm hai phần: Một phần đem cho người hành khát thấp kém nhất trong hội đại thí, còn một phần thì đem cúng cho đức Như Lai Nan Thắng. Lúc này tất cả mọi người trong hội đại thí đều thấy quốc độ quang minh, thấy đức Như Lai Nan Thắng, thấy xâu chuỗi ngọc kia ở phía trên đức Phật biến thành đài báu bốn trụ, bốn trụ đều trang sức đẹp đẽ, rõ ràng không ngăn che nhau. Trưởng giả Duy Ma hiện thân biến xong, lại nói: “Nếu thí chủ tâm ý bình đẳng, thì cho một người hành khát thấp kém nhất cũng như dâng cúng nơi phước điền của Phật đà không khác gì cả. Hễ với tâm đại bi bình đẳng, không cầu quả báo thì đó gọi là pháp thí đầy đủ”.

Giải thích: Đã cho là “Không có sự phân biệt” tức dùng Lý chế ngự Tâm, với tâm đại bi bình đẳng thì cũng đồng Thế nơi Bi. Lại nói người bố thí với tâm bình đẳng khi thực hiện bố thí là dùng Lý chế ngự

Tâm.

- Số từ câu: “Nếu dựa thẳng nơi Cảnh” tiếp xuống: Là chi tiết thứ hai, căn cứ nơi Cảnh để làm rõ “Kính điền” là hơn hẳn.

- Nói “Kinh Giáo Lượng công đức” tức kinh nêu: “Bố thí cho hàng súc sinh thì được phước đức gấp trăm. Bố thí cho hàng ngoại đạo thì được phước đức gấp ngàn v.v...” như đã nêu dẫn ở trước. Lại như kinh Thập Hy Hữu viết: “Dùng bảy báu v.v... cúng dường cho các bậc Thánh chứng đắc bốn quả đầy khắp trong bốn châu thiên hạ, cùng sau khi chư vị diệt độ đều xây dựng đền tháp để cúng dường, chẳng bằng công đức tạo tháp Phật, dù chỉ nhỏ như hạt lúa mạch, để cúng dường. Công đức này rất lớn, chẳng thể dùng toán số, thí dụ để so sánh.”

Giải thích: Đây tức bậc chứng đắc bốn quả hãy còn chẳng bằng Phật, nêu rõ “Kính điền” là hơn hẳn.

* Số từ câu: “Nếu căn cứ nơi Tâm” tiếp xuống: Là chi tiết thứ ba, căn cứ theo Tâm bi để nói.

Sách “Thám Huyền ký” đã dẫn trong kinh “Tượng Pháp Quyết Nghi” nói: “Cho đến bố thí nơi Phật, Bồ tát, Thanh văn, chúng sinh, chẳng bằng bố thí cho hàng súc sinh một phần cơm v.v...” Nhưng đây là kinh ngụ ý tạo nên phần Số giải không dẫn. Chỉ chọn lấy chỗ gần gũi để chọn về Bi. Bi là gốc của Bồ tát. Bi là thể của Bồ tát. Nếu không có tâm đại bi thì chẳng phải là Bồ tát. Cho nên kinh Tịnh Danh cũng nói: “Với tâm đại bi bình đẳng”.

Từ câu: “Kính thì điền mạnh mà tâm bi yếu” tiếp xuống: Tức văn của Pháp sư Cưu Ma La Thập giải thích câu “Tâm đại bi bình đẳng” nơi kinh Tịnh Danh, nhưng Đại sư Tăng Duệ chẳng thuận theo ý này, chỉ dùng tâm v.v... Vân vân tức là chỉ cho nghĩa thứ nhất nêu trước. Nay dùng cả hai, thành hai nghĩa sau, nên viết là: “Mỗi nghĩa có cái hay”.

- Số từ câu: “Như cùng là Kính điền” tiếp xuống: Là phần hai, chỉ căn cứ nơi “Kính điền” để luận về chỗ hơn kém. Do Ân điền, Đức điền đều là Kính điền. Phần này gồm ba:

Một: Phân biệt Kính điền, Ân điền.

Hai: Từ câu: “Nếu cùng là Ân điền” tiếp xuống: Là phân biệt về đạo, tục trong Ân điền.

Câu: “Như kinh Xá Lợi Phất thỉnh vấn”: Kinh gồm một quyển. Câu hỏi là: “Cớ sao Như Lai nói ân của cha mẹ là lớn chẳng thể báo đáp hết. Lại nói: Ân của sư, tăng là chẳng thể lường. Vì vậy cái nào hơn? Phật dạy: Phàm là tại gia thì phải hiếu kính cha mẹ. Ở nơi “Dưới gối” không thể báo đáp hết sự sinh ra, nuôi dưỡng v.v... Do công ân ấy

rất sâu dày nên gọi là lớn. Hoặc theo thầy học tập, tri kiến được mở mang thì ân ấy cũng lớn. Phàm là người xuất gia đã lìa bỏ ngôi nhà sinh tử của cha mẹ, đi vào cửa pháp thọ nhận giáo pháp vi diệu, là diệu lực của thầy, pháp thân sinh trưởng, tạo ra tài sản là công đức, nuôi dưỡng thân mạng trí tuệ, thì công ơn không gì lớn hơn! Đối chiếu với chỗ sinh kia thì vượt hẳn!”.

Giải thích: Nếu căn cứ theo ý của kinh thì phần Sở giải trước là thuận theo ý trước, đều tự xem là nặng, đem hai thứ cùng đối chiếu thì xuất gia là hơn.

Nói: “Hoặc căn cứ nơi chỗ sinh ra sắc thân với chỗ sinh ra pháp thân thì hơn kém có thể nhận biết” tức là thuận với ý sau của kinh.

Ba: Từ câu: “Cùng là Đức điền” tiếp xuống: Là căn cứ theo Đức điền để phân biệt chỗ chung riêng. Ở đây đã nêu dẫn kinh Phạm Võng tức là Bồ tát giới: “Như Phật tử có hàng xuất gia thọ Bồ tát giới, hàng tại gia thọ Bồ tát giới cùng hết thảy hàng thí chủ. Khi muốn thỉnh chư tăng để hiến cúng, cầu nguyện thì phải đến tăng phưởng hỏi vị Tri Sự, thưa rằng hôm nay muốn theo thứ tự thỉnh chư tăng để cúng dường cầu nguyện. Như vậy là thỉnh được Hiền Thánh Tăng trong mười phương. Nếu thỉnh riêng biệt như người đời, thì thỉnh năm trăm vị Tăng La Hán và Bồ tát, cũng không bằng thỉnh một vị Tăng phàm phu trong thứ tự của chư tăng. Như thỉnh riêng biệt là pháp của ngoại đạo. bầy Phật không có quy chế thỉnh riêng. Sự việc ấy không thuận với đạo Hiếu. Nếu cố ý thỉnh riêng là phạm tội khinh cấu.”

- Sở câu: “Lại do chủ, tài sản, phước điền v.v...” Tức nơi Luận Câu Xá viết: “Do chủ, tài sản, phước điền dị biệt, nên quả của sự bố thí có sai khác.” Đây là căn cứ nơi môn phân biệt. Nếu dựa nơi ba luân thì có đủ hơn kém. Chủ tức là Tâm xem trọng hay nhẹ. Tài sản tức vật tốt hay vật xấu. Điền tức như Kính điền, Bi điền v.v...

- Sở từ câu: “Nhưng nay, trong đó” tiếp xuống: Là phần ba, tóm kết, chỉ rõ về nghĩa sâu xa của kinh (Phần hai là nhận định phân biệt về các loại điền). Ba Sự tức là ba Luân. Rộng tức căn cứ nơi Sự. Sâu tức căn cứ theo Lý. Dung thông thì có hai nghĩa:

Một là dung hợp Lý, Sự ở trên.

Hai là dùng Lý để dung hợp Sự, theo hướng trùng trùng vô tận.

- Sở câu: “Nghĩa nhiều như ở đây, trở lại vượt hơn ngôn từ ở trước”: Tức là một trong năm bản đã mất. Như nơi hội thứ nhất đã nêu.

- Sở câu: “Tu Đạt Noa đây gọi là Thiện Ái, hoặc gọi là Hảo Ái”: Kinh gồm một quyển, nêu giảng sự việc rất rộng, nay sẽ lược dẫn. Tôn

giả A Nan thưa hỏi, Phật nói: “Về thời quá khứ xa xưa, có một nước lớn tên là Diệp Ba, vua hiệu là Thấp Ba, không con, sau cầu xin thần linh mới sinh được con, nội ngoại đều vui mừng, đặt tên là Tu Đại Noa. Tuổi mười lăm, mười sáu mà không môn học nào là không thông tỏ. Thái tử “Nạp phi” tên là Mạn Viên, sinh được hai con: Một nam một nữ. Thái tử Tu Đại Noa luôn ban ân bố thí rộng khắp, không hề phân biệt, nên đã bố thí cả voi trắng quý đi trên hoa sen cho vua nước oán địch, khiến vua cha nghe theo lời tâu của các đại thần, trục xuất Thái tử cùng vợ con ra khỏi hoàng cung, tới núi Đàn Đặc. Thái tử ra khỏi cửa thành, tất cả mọi tài sản vật dụng, kể cả xe ngựa cũng đều bố thí hết thảy. Rồi Thái tử công con trai, vợ bỗng con gái, dìu dắt đi tới núi nọ. Núi có một vị đạo sĩ tên là A Nan Đà. Thái tử hỏi đạo sĩ: “Làm sao để có thể cư trú ở đây?” Đạo sĩ nói: “Núi này là đất phước, không nơi nào có thể sánh!” Thái tử bèn dựng am cỏ, cùng vợ con sinh sống. Nước Câu Lưu có người Bà-la-môn thuộc loại đủ tướng xấu xí, tuổi bốn mươi mới lấy vợ, vợ khiến chồng đi tìm nô tỳ. Nghe Thái tử Tu Đại Noa là người giàu lòng bố thí, nên lặn lội vượt qua sáu ngàn dặm tới núi Đàn Đặc. Đầu tiên gặp người thợ săn, thợ săn muốn giết người Bà-la-môn này, nhờ nói dối là vua sai đến đón Thái tử nên thợ săn tha mạng. Gặp Thái tử, xin hai con, Thái tử tự tay mình trói con lại cho kẻ ấy. Lúc này mẹ của hai con không có ở nhà. Mất của người mẹ lay động liên hồi, tay trái lại ngứa ngáy, lo sợ con gặp phải điều chẳng lành, nên vội vã trở về lều cỏ, không thấy con đâu, hỏi chồng ba lần, Thái tử vẫn im lặng. Lại hỏi nữa thì đáp: “Ta đã cho người đến xin rồi!”. Người mẹ nghe thế liền chết ngất, hồi lâu mới tỉnh lại, cất tiếng khóc vang. Thái tử nói: “Nàng có nhớ về thời quá khứ đức Phật Đề Hòa Kiệt Đa là một thanh niên Bà-la-môn, nàng là một cô gái bán hoa, ta dùng đến năm trăm tiền vàng mua năm cành hoa của nàng để cúng dường Phật, nàng đã gởi ta hai cành hoa để dâng lên đức Thế Tôn, nguyện ta cùng kết nghĩa trăm năm. Lúc ấy ta có yêu cầu nàng trái với ý nguyện của ta và nàng đã chấp thuận, nay cố sao làm rối loạn tâm bố thí của ta?”. Trời Đế Thích biết rõ tâm của Thái tử rất kiên cố, bèn hóa làm một Bà-la-môn, cũng là loại đủ tướng xấu xí, đến chỗ Thái tử xin người vợ, Thái tử liền cho ngay, Đế Thích xin gởi lại nhờ Thái tử trông coi hộ mình. Cho là lạ, Thái tử hỏi, Đế Thích đáp: “Tôi là Trời Đế Thích đến đây để thử tâm nguyện của Ngài”. Bèn hiện lại thân tướng như cũ, hỏi nguyện cầu gì. Vợ có ba nguyện: Nguyện là cho kẻ đem bán con mình trở lại đến nơi “Bản quốc”. Hai là nguyện cho hai con không bị đói khổ. Ba là nguyện cho mình cùng Thái tử sớm trở

về cố hương. Đế Thích nói: “Sẽ được như nguyện”.

Thái tử thì phát nguyện: “Nguyện cho hết thảy chúng sinh đều được thoát khỏi cái khổ của sinh lão bệnh tử!” Đế Thích tán thán: “Lớn lao thay nguyện ấy! Nhưng đó chẳng phải là khả năng của tôi có thể hỗ trợ được! Vậy Ngài còn có mong cầu gì?” Thái tử nguyện được giàu có lớn để luôn thực hiện bố thí, lại nguyện cho vua cha cùng các quan trong triều đều nhớ nghĩ tới mình. Đế Thích nói: “Sẽ như ý”. Người Bà-la-môn kia xin được hai con của Thái tử, dẫn về nhà, vợ giận dữ sao lại xin con cái hàng vương giả, chỉ nên tìm riêng hạng nô tỳ. Bà-la-môn bèn đem hai đứa trẻ ra nước ngoài để bán. Đế Thích xui khiến nên chẳng có ai mua. Bèn dẫn trẻ lần hồi đến “Bản quốc”. Người trong nước biết hai trẻ là con của Thái tử Tu Đại Noa nên đến tâu vua. Vua gặp hai cháu nội, muốn ôm vào lòng, nhưng hai cháu khóc lóc, không chịu tới gần. Hỏi chuyện bán hai đứa trẻ. Bà-la-môn thưa: Nam, thì bán một ngàn lạng bạc, trâu đực một trăm con. Con gái thì giá hai ngàn lạng bạc, trâu cái một trăm con. Vua hỏi: “Sao nữ quý giá hơn nam?” Thưa: “Hậu cung với vua cùng với vua không là thân thích, vốn từ hàng thấp kém mà ra, được nhận mọi ân sủng của vua. Vua chỉ có một con trai lại xua đuổi tới tận núi sâu, chưa từng nhớ nghĩ đến. Vì vậy mà biết rõ là nữ quý hơn nam!” Vua liền sai người tìm đón vợ chồng Thái tử hồi cung, giao cho kho báu để tùy ý bố thí. Cho nên về sau chứng đắc đạo quả Phật Đà. Vua cha thời đó nay là Tịnh Phạm, Mẹ là Ma da, vợ là Cù di, con trai là La Hầu La, con gái tức Hiện La. Người Bà-la-môn xin con là Điều Đạt, vợ nay là Chiên Già Na Ma, vợ của Điều Đạt. Đạo sĩ nơi núi Đản Đặc nay là Mục Liên, người thợ săn nay là A Nan.

- Sở câu: “Vua Hiện Trang Nghiêm” tức như kinh Đại Trang Nghiêm đã nói.

- Sở câu: “Lại như nơi kinh Bồ tát Bản Duyên nói Thái tử con vua Nhất Thiết Trì đã cho cả hai con”: Kinh gồm ba quyển, ở đây là thuộc quyển một, một nửa hướng tới phần sau đến quyển hai, một nửa hướng tới trước. Về câu chuyện thì hoàn toàn giống với kinh Tu Đại Noa. Chỉ nơi kinh kia thì bố thí hai con một nam một nữ, còn kinh này thì nói bố thí hai con đều là nam. Lại có thêm việc xin mắt, lược không có phần vua thỉnh trở về. Toàn bộ phần còn lại đều giống với kinh trước...

- Sở từ câu: “Tuy nhiên, chỗ bố thí là hóa, thật” tiếp xuống: Là phân hai, nhận định, phân biệt.

- Nói: “Như kinh Hiền Ngu nói Thiên Vương Tỳ Sa Môn v.v...”: Tức nơi kinh ấy quyển thứ nhất, nhân Phạm Vương thỉnh Phật thuyết

pháp, Phật từ chối vì nhận thấy chúng sinh bị cấu nhiễm, che lấp, chẳng bằng mau chóng nhập diệt. Phạm Vương bèn nêu dẫn sự việc từ thời xa xưa được khuyến thỉnh Phật. Thời xưa, trải qua vô số kiếp, vì chúng sinh mà dốc cầu chánh pháp, thậm chí chỉ một bài kệ mà thân tâm, vợ con đều dùng để bố thí! Vậy sao chẳng nhớ đến thời kỳ ấy mà lại muốn lìa bỏ chúng sinh? Về thời quá khứ xa xưa, ở cõi Diêm-phù-đề có một nước lớn, Vua hiệu là Tu Lâu Đà, thống lãnh thế giới này tới tám vạn bốn ngàn nước nhỏ. Lúc đầu, nhà vua dùng của cải để bố thí, sau thì suy nghĩ nên dùng giáo pháp chắc thật để bố thí, bèn mới thỉnh người đến thuyết giảng. Thiên Vương Tỳ sa môn trông thấy, muốn đến để thử sở nguyện của nhà vua, nên biến làm một Dạ Xoa, sắc mặt xanh đen, mắt đỏ như máu, nanh nhọn hoắt lộ ra ngoài, đầu tóc dựng đứng, tìm đến hoàng cung. Nói: “Ta có thể thuyết pháp” Vua mời vào cung, sửa soạn cho việc nghe pháp. Dạ Xoa nói: “Trước nên đem phu nhân và Thái tử được Vua yêu quý nhất cho ta ăn thịt, sau đấy ta mới nói pháp cho ông!”. Vua y lời của Dạ Xoa. Sau khi ăn xong, Dạ Xoa nói kệ:

*“Hết thấy Hành vô thường
Đã sinh đều có khổ
Năm Ấm không, vô tướng
Không có Ngã, Ngã sở.”*

Vua nghe kệ rất hoan hỉ, liền ghi chép để ban bố khắp nơi, không hề hối hận. Thiên Vương Tỳ sa môn bèn hiện nguyên hình như cũ, tán thán: “Thật hết sức kỳ lạ!” Phu nhân và Thái tử đều còn sống cả. Vua thời nay là Phật. Xưa vì đạo pháp hãy còn như thế, nay vì sao lại muốn mau chóng nhập diệt?”

Giải thích: Đây tức vợ, con là thật, người cầu xin là biến hóa.

- Sở câu: “Đây là nhằm phá bỏ chấp của Bồ tát”: Như nơi kinh Tịnh Danh có đoạn: “Trong mười phương thế giới làm Ma Vương, phần nhiều là Bồ tát trụ nơi pháp giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, sử dụng lực phương diện nhằm hóa độ chúng sinh nên hiện làm Ma Vương.” Do đó nói: “Nhằm phá bỏ chấp nơi Bồ tát”.

“Hai là, người cầu xin là thật”, đã dẫn Nhiếp Luận: Tức nơi Luận ấy, phần mười một. Lương Nhiếp Luận viết: “Hoặc hiện vô số sự việc về Bản sinh. Do bức bách gây khổ não với kẻ khác cùng sự bức bách gây khổ não cùng kẻ oán đối, đã khiến họ cùng yêu mến, đem lại lợi ích, an lạc cho thân tâm”.

Thích Luận viết: “Vì nhằm hóa độ chúng sinh theo tà kiến, chẳng tin nhân quả, khiến họ có được chánh pháp, lìa ác tu thiện, nên đã hóa

hiện vô số việc về Bản sinh, như Vua Tỳ Duẩn Đà bố thí con trẻ cho người Bà-la-môn, chẳng phải là bức bách, gây khổ não cho kẻ khác. Con trẻ ở đây là hóa làm. Vì sao? Vì Bồ tát không gây bức bách, khổ não, vì người này đã tạo nên an lạc cho người kia. Lại nữa, như Bồ tát Dược Tạng, đã khiến cho vua My Hi và Vua Ti Đề Hoa cùng gây bức bách, khổ não. Đây cũng là hóa làm. Về sau đều khiến cả hai cùng yên ổn, tạo lợi ích, an lạc nơi thân tâm”.

Luận viết: “Khiến cho người khác sinh khởi tâm tin tưởng là trước, sau thì ở trong ba Thừa nơi Thánh đạo, làm cho thiện căn nơi người kia được thành thực. Đó gọi là chỗ hành hóa sai biệt hết sức sâu xa của Bồ tát.

“Ba là, cả hai cùng hóa hiện”, phần này có thể nhận biết.

“Bốn là, cả hai cùng là thật”, loại thứ hai là căn cứ trí đã thành thực”: Như Vua Nhất Thiết Trí đã bố thí con trẻ cho người Bà-la-môn. Người này đã dùng roi đánh trẻ rồi dẫn đi, tới bên một gốc cây, lại muốn đánh trẻ nữa. Thần cây dùng tay xô ngã người Bà-la-môn khiến gã lộn nhào. Thần cây muốn giết gã ấy để dẫn vương tử vào hoàng cung. Vương tử nói với thần: “Xin chớ hại người này. Nếu tôi trở về hoàng cung thì khiến cho phụ vương tôi không thực hiện đầy đủ hạnh bố thí, tức tôi là đứa con bất hiếu!” Thần cây liền tha cho gã Bà-la-môn kia. Đây tức là vợ con cùng hành, hãy còn tự xả bỏ thân mạng, há có việc từ chối khổ sở mà thối chuyển

- Nói: “Đời đời hành bố thí”: Tức nơi kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ bảy mươi lăm, sự việc trong câu chuyện của cô gái họ Thích, tên Cù Ba, là Thiện tri thức của đồng tử Thiện Tài, đã nói với đồng tử Thiện Tài. Lúc ấy, đồng nữ Diệu Đức muốn phụng sự Thái tử Uy Đức Vương. Thái tử giải bày, sợ nàng sẽ ngăn cản việc tu tập Bồ tát đạo của mình. Đồng nữ thưa, ý cho rằng, tôi không có tâm nhiễm, xin được sự chiếu cố của Thái tử. Trong kệ để thưa bày nơi Thái tử có đoạn:

*“Vô lượng kiếp đầu đời
Núi Kim Cương rộng lớn
Nếu thương nhận lấy tôi
Cam tâm thọ khổ ấy
Vô lượng biển sinh tử
Dùng thịt thân tôi thí
Nơi Ngài đạt pháp vương
Nguyện khiến tôi cũng thế.
Như thương nọ lấy tôi*

*Cho tôi được là chủ
Đời đời hành bố thí
Nguyện thường đem tôi thí”.*

Giải thích: Đây đều là hàng có căn trí thành thực.

- Số câu: “Nếu dựa nơi kinh Anh Lạc nói về mười lăm Luân Vương”: Tức là ba Hiền, mười Thánh và hai Giác: Đẳng giác và Diệu Giác, đến phẩm Tùy Hảo sẽ phân biệt, diễn rộng. Trong đó, tức Phạm vương của cõi tam Thiên. Nếu dựa theo Luận Đại Trượng Phu Hành, thì sự hỷ lạc của Bồ tát vượt hơn thế gian và Niết-bàn của Nhị Thừa. Luận này gồm hai quyển, hoặc nói gọn là Luận Đại Trượng Phu, đã nói rộng về sự an lạc thù thắng của thế gian đều không bằng Bồ tát khi thấy người cầu xin hoan hỷ. Phần cuối Luận nêu lên diệu lạc của sự giải thoát cũng không gì có thể sánh kịp. Tức vượt hơn hàng Nhị Thừa.

- Số câu: “Luận Du Già quyển thứ ba mươi chín nói: Lại nữa, các Bồ tát đối với các chương ngại của sự bố thí và cách đối trị”: Phần này gồm ba:

Một: Nêu lên.

Hai: Liệt kê về chương.

Ba: Biện minh về cách đối trị.

Hai phần trước đã nêu đủ văn của Luận. Trong phần đối trị chỉ nêu lấy ý của Luận. Văn của Luận đã nêu giảng rộng nhưng chỗ giải nghĩa được thấu tóm không sót. Phần sau nơi Luận tóm kết nói:

“Như thế là Bồ tát với bốn thứ chương ngại nơi sự bố thí, nên biết có bốn thứ trí chủ thể đối trị chương kia. Sự đối trị ấy gồm:

Một là giác ngộ.

Hai là nhẫn nhục thọ nhận các khổ.

Ba là nhận biết khắp về các thứ điên đảo.

Bốn là nhận thức về tánh của hết thủy Hành là không bền chắc.

Các Bồ tát ấy, do ba thứ trí là chủ thể đối trị trước mà, quyết định có thể thực hành đúng sự bố thí, cứu giúp. Do một một trí chủ thể đối trị sau có thể thấu nhận đúng đắn các quả thù thắng nơi phước đức của sự bố thí. Cho nên biết, cũng gọi là Bồ tát có trí tuệ thiện xảo thực hiện bố thí là tướng.

- Số câu: “Trước là dứt tuyệt tướng chấp về ngã”: Tức như đã nêu trong Hoan Hỷ Hạnh.

- Số câu: “Một là chẳng đối với Thể của pháp dấy khởi tăng giảm” Thể của tất cả các pháp không ra ngoài Có - Không. Xác định là có thì tăng lên, xác định là không thì giảm bớt.

“Bốn là, lia bỏ tướng chấp về đoạn thường đối với nghĩa của các pháp “: Dựa trên một nghĩa có tức là có nghĩa của thường, Vô thường. Từ duyên mà Có tức là Vô thường, chẳng từ duyên mà Có tức gọi là Thường.

“Năm là khí thế gian của ba cõi chỉ là sự biến biện tức thì của Thức gọi là Ảnh tượng”, là chỗ nương tựa của chúng sinh. Tướng tức là Tâm, chẳng phải là Tướng, chẳng phải là Tâm. Đây là giải thích về đối thứ sáu: Ở nơi gốc của pháp loại bỏ Tướng chấp về Tâm, chẳng phải là Tâm, do các câu trên đều có chữ Tướng. Hết thấy các pháp đều là chỗ duy trì của Tướng, đều chung là có nghĩa của Tâm. Tâm là gốc của pháp, nên quên Tâm tức chẳng phải là Tướng. Nay đều loại trừ, nên nói: “Ở nơi gốc của pháp loại bỏ Tướng chấp về Tâm, chẳng phải là Tâm”.

- Số câu: “Có tức là không”: Căn cứ nơi duyên mà có, là nêu rõ: “Cả hai là một vị của Không đều chẳng sai biệt”. Nói theo Chân như thì đều không có nghĩa “Có”. Nhưng nói theo lập luận của tông Pháp tướng thì có nghĩa “Có” của duyên Y tha, của tánh viên thành. Nay biện minh do duyên mà có nên chẳng phải là có. Hai thứ này lấy không làm Tánh, Tánh tức chẳng phải là có.

“Nói không có Tướng chấp về Không là có nhiều ý”: Lược nêu năm nghĩa:

Một: Loại trừ cái không của không có gì cả, như Hư không, lông rùa, sừng thỏ.

Hai: Nêu rõ do duyên mà có tức không. Kinh Tịnh Danh nói: “Sắc tức là không, chẳng phải Sắc diệt rồi mới không. Tánh của Sắc tự nó là không, rõ ràng có tức là không”. Đây là biện minh chẳng phải là cái không của việc diệt trừ Sắc.

Ba: Biện minh việc loại bỏ không làm có.

Bốn: Loại trừ không làm không phải có.

Nghĩa ba, bốn cùng loại trừ nghĩa cho không là có.

Năm: Bốn nghĩa trên là loại trừ bệnh chấp, nêu rõ chẳng phải là có. Câu này thì hiển bày về thật, biện minh chẳng phải là có không ngăn ngại có. Cho nên phần sau giải thích: “Chẳng phải là có, cũng chẳng phải là chẳng phải có”. Đây là dẫn chứng. “Cái chẳng phải chẳng phải có” này tức là “Chẳng phải là không”. Song nói “Chẳng phải là không” thì nghĩa hàm chứa của nó ít. Nói: “Chẳng phải là chẳng phải có” thì nghĩa bao hàm của nó nhiều. Chỉ nói “Chẳng phải là không” thì có được hai nghĩa trước, hai nghĩa của phần sau. Nói “Chẳng phải là chẳng phải

có” thì mới thấu tóm cả trước sau. Nhưng nghĩa thứ nhất tức cổ nhân nói: Ta nói chẳng phải có là chỉ nói chẳng phải là có chứ không nói: “Là chẳng phải có”.

Kế là biện minh “Có tức là không” nên chẳng phải là có. Không tức là có nên “Chẳng phải là chẳng phải có”. Năm câu trên chỉ thuận theo kinh văn dùng làm hai câu. Từ đây trở xuống là loại trừ chung bốn câu kết hợp với trên, tức “Câu cùng” (phủ định). Xâm đoạt nhau tức là cùng chẳng phải. Gốc của có - không đã không có “Câu cùng”. Chẳng phải là cùng thì lập cái gì? Chưa đối giải thích câu kết:

“Chẳng phải là chẳng phải Tưởng”, trong đó chỉ chọn lấy ý thứ tư. Cũng có thể gồm luôn ý thứ năm chẳng ngăn ngại Tưởng.

“Đối tiếp theo cùng hiển bày về trói buộc giải thoát”: Do phân biệt là trói buộc, không phân biệt là giải thoát.

- Sớ câu: “Đối tiếp theo cùng hiển bày về hai nghiệp: Tức “Tư nghiệp và Tư dĩ nghiệp.

“Đối sau cùng cũng biện minh về trói buộc, giải thoát”: Tâm “Có” thì sống sinh tử dập dồn nên chẳng phải là cái tâm hồi hướng. Tâm “Không có” thì đồng nơi ngoại đạo, nên chẳng phải là cái tâm “Không có” mà hồi hướng. Đây tức là nghĩa Không chẳng ngăn ngại Có.

- Từ câu: “Lại do tâm Không” tiếp xuống: Là loại bỏ mọi dấu vết để làm rõ ý trước.

- Nói: “Tâm “Có” là chẳng phải có cái gọi là khởi động.

- Nói “Tâm “Không có” là chẳng phải” cái gọi là không có quán chiếu. Đây tức là tịch tĩnh mà không mất soi chiếu. Ý sau thì tịch tĩnh thì chỉ là tịch tĩnh. Cả hai đều có lý.

- Sớ câu: “Nếu gốc không bị trói buộc thì đâu cần tìm sự giải thoát”: Tức là ngầm dùng ý nơi kinh Tịnh Danh, trong phẩm “Pháp Môn Bất Nhị”, Bồ tát Bảo Ấn Thủ nói: “Ưu thích Niết-bàn, chẳng ưa thích thế gian là hai. Như chẳng ưa thích Niết-bàn, chẳng chán lìa thế gian, tức là không có hai. Vì sao? Nếu có trói buộc thì có giải thoát. Nếu gốc không bị trói buộc thì đâu phải cần tìm giải thoát. Không trói buộc, không giải thoát tức là không ưa thích chán lìa, đó là hội nhập Pháp môn Bất Nhị”.

- Sớ câu: “Thản nhiên, không nhờ dựa thì lý tự hội nhập nẻo huyền vi”: Câu này là xuất xứ từ bài tựa nơi kinh Bách Luận (do Pháp sư Cư Ma La Thập dịch) của Đại sư Tăng Triệu. Câu ấy có hai đối. Nói đầy đủ là: “Gọi là Luận, lời mà không thích hợp, thì mở ra mà không có đáp lại. Thản nhiên, không dựa cậy, mà Sự chẳng mất chân. Sâu kín, chẳng

nhờ vả, mà Lý tự hội nhập nẻo huyền vi. Trở lại nơi gốc đạo thì càng sáng rõ,”

Giải thích: Đây là nêu bày chung về diệu chỉ của Luận, đối trước là chẳng mất Sự, đối sau là chẳng mất Lý. Tuy chẳng dựa nơi chỗ nói về Lý, Sự mà kế hợp với Sự, Lý. Nay, phần Sở giải kết hợp cả hai đối để chọn lấy ý “Chẳng mất nơi Lý”, do là “Hồi hương lia tướng”.

“Thản” là thích thản (ung dung không bị bó buộc). Sách Quảng Nhã nói: “Thích thản là khác lạ, trọi bật” nghĩa là không có chỗ nương dựa nhờ cậy. “Khác lạ, trọi bật” gắn bó nơi hình tượng mà ngầm cùng với Lý hội nhập.

- Sở câu: “Ba đời cầu tìm sinh mà chẳng thể nắm bắt được”: Tức là hiển bày chung về ý của văn. Là “Môn ba thời” của Trung Luận.

- Câu: “Từ không mà có nên gọi là Sinh”: Là nêu ra Lý của Sinh. Phần sau là nêu riêng về việc ba đời cầu tìm mà chẳng nắm bắt được Tướng của Sinh. Đã sinh, chưa sinh, đang sinh là ba. Đã sinh, chưa sinh thì Lý dễ nên hiển bày rõ. Hiện tại đang sinh thì Lý ẩn giấu. Do chẳng trụ nên phân ra quá khứ vị lai, thì không có cái đang sinh của hiện tại. Đúng là đồng với kinh Tịnh Danh: “Nếu là đời quá khứ thì đời quá khứ đã diệt. Nếu là đời vị lai thì đời vị lai chưa đến. Nếu là đời hiện tại thì đời hiện tại không dừng. Do không dừng nên thuộc về đã qua chưa đến.”

- Từ câu: “Vì Lý của Sinh” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về vô sinh.

- Sở câu: “Luận về Tĩnh là nói về Thức, Trí”: Tức dựa nơi Trí, chẳng dựa nơi Thức. Thức là Hý luận, dựa nơi Trí là tịch tĩnh. Nay đều phủ nhận cả hai. Tức chẳng thể dùng Trí để nhận biết, chẳng thể dùng Thức để phân biệt. Đây là pháp y nghĩa của bốn y, văn nơi đoạn tiếp sau sẽ giải thích.

- Sở câu: “Thứ hai là chẳng ngăn ngại nơi tùy tướng”: Văn nơi phần này gồm ba:

Một: Biện giải chung về ý nối tiếp.

Hai: Từ câu: “Gọi là Tùy tướng” tiếp xuống: Là chính thức biện minh về tướng chẳng bị hủy hoại.

Nói “Chư Phật dựa nơi hai đế, vì chúng sinh mà thuyết pháp”: Tức nơi Trung Luận, phẩm “quán về Tứ Đế”, phần sau có kệ:

Một do Thế tục đế

Hai Đế nhất nghĩa đế

Nếu người chẳng thể biết

*Phân biệt nơi hai đế
Thì nơi pháp Phật sâu
Chẳng rõ nghĩa chân thật”.*

Đã nêu dẫn ở trước.

Ba: Từ câu: “Nhưng Tục là Tục của Chân” tiếp xuống: Là dung hợp hai đế trên thành nghĩa không ngăn ngại.

- Số từ câu: “Thứ nhất, nhưng tên gọi của Tùy tướng” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm hai phần:

Một: Biện giải về ý tiếp theo.

Hai: Từ câu: “Lược hiển bày về mười nghĩa” tiếp xuống: Là chính thức biện minh về Ly tướng nhận lấy tên của Hồi Hưởng.

Trước tức là giả nêu ra. Từ đây trở xuống là giải thích. Gồm hai:

Một: Giải thích chung.

Hai: Từ câu: “Tám pháp của đời quá khứ” tiếp xuống: Là giải thích riêng đều tùy theo chỗ hướng tới mà gọi tên là “Bờ kia” riêng.

Một là: Lợi, Suy, Chê, Khen, Xứng, Trách, Vui, Khổ, tám pháp này tức là pháp thế gian. Đối với tám pháp chẳng động, gọi là “Bờ chẳng động”.

Hai là: Dựa nơi Uẩn, chấp Ngã nên có hai ngã. Nếu lìa cả hai ngã thì gọi là giải thoát (Bờ giải thoát).

Ba là: Tâm, Tứ là con đường của ngôn ngữ. Con đường là nhân nên thật tế là dứt tuyệt ngôn ngữ (Bờ thật tế).

Bốn là: Niệm, Tưởng quán chiếu dứt trừ là Trí Thật (Bờ Thật Trí).

Năm là: Thân Kiến chính là gốc của Phiền não chướng, chỉ có thể đoạn trừ nên là Hữu dư (Bờ Hữu dư).

Sáu là: Khổ dựa nơi Thân, tức là chốn nương dựa. Chỗ nương dựa của Trí là Thân. Thân, Trí cùng dứt bật là Vô dư (Bờ vô dư).

Bảy là: “Thí đẳng” tức các hạnh Thiện đã tạo tác (Bờ Thí đẳng).

Tám là: Bồ tát ra khỏi sinh tử, hội nhập nẻo Không, mà không nhiễm vướng nên là “Bờ Vô trụ”.

Chín là: Chứng đắc pháp thân là cảnh giới vô lậu (Bờ pháp thân).

Mười là: Sinh trụ dị diệt tức là Hữu vi, là pháp của thế gian. Tâm biết rõ về hiện lượng với mọi sinh diệt lưu chuyển đều không có tự tánh nên thành “Bờ Thánh trí tự giác”.

- Số từ câu: “Bồ đề tánh thanh tịnh” tiếp xuống: Ở đây có hai Bồ đề:

Một là Bồ đề tánh tịnh.

Hai là Bồ đề viên tịnh. “Theo duyên khởi” tức là Viên tịnh. Viên tịnh lại có hai:

Thứ nhất: Nêu rõ duyên khởi, muôn hạnh là duyên.

Thứ hai: Nêu rõ tánh khởi. Hoàn toàn là chỗ hiển bày của công đức nơi Chân như tánh tịnh.

Lại nữa, “Duyên khởi Vô tánh” tức là tánh tịnh, có diễn rộng như nơi phẩm Xuất Hiện. Đây cũng như nơi kinh Pháp Hoa viết:

*“Chư Phật, lưỡng túc tôn
Rõ pháp luôn Vô tánh
Phật chủng từ duyên khởi
Do đó nói Nhất Thừa.”*

Đã nêu dẫn ở phần trước.

- Từ câu: “Như nghiệp nương nơi thân” tiếp xuống: Là giải thích chẳng đối với trong thân mà có nghiệp.

Hồi Hương thứ bảy: Hồi Hương bình đẳng tùy thuận tất cả chúng sinh.

- Số câu: “Thứ nhất trong phần nhắc lại tên gọi gồm bốn”:

Một: Chính thức giải thích tên gọi.

Hai: Từ câu: “Ở đây là theo Hồi Hương” tiếp xuống: Là nói về việc được mang tên.

Ba: Từ câu: “Nên kinh Bản Nghiệp nói” tiếp xuống: Là dẫn chứng.

Bốn: Từ câu: “Tức do Vô tham” tiếp xuống: Là nêu ra Thể Tánh. Trong phần ba (dẫn chứng) gồm ba chi tiết:

Một là: Nêu dẫn kinh.

Hai là: Từ câu: “Tên không có chữ đẳng” tiếp xuống: Là kết hợp với kinh hiện nay.

Ba là: Từ câu: “Có chỗ cho rằng” tiếp xuống: Là phần giải thích về kinh kia. Gồm hai:

Thứ nhất: Nêu ra các thuyết khác.

Thứ hai: Từ câu: “Nên nói là” tiếp xuống: Là chính thức giải thích nghĩa.

“Bát-nhã phương tiện” tức là ý nơi kinh Tịnh Danh, cùng kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ mười chín, đến phần sau sẽ giải thích rộng.

- Nói “Cha mẹ xấu ác” là vô minh, tham ái. Tức nơi kinh Lăng Già, quyển thứ ba. Kinh viết: “Bấy giờ, Bồ tát Đại Tuệ bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn đã giảng nói, như các thiện nam thiện nữ tạo năm

nghiệp vô gián mà không bị đọa vào địa ngục vô gián. Thế Tôn! Vì sao các thiện nam thiện nữ tạo tác năm nghiệp Vô gián mà chẳng bị đọa nơi địa ngục Vô gián? Phật bảo Bồ tát Đại Tuệ: Hãy lắng nghe mà khéo suy nghĩ, ghi nhớ, Như Lai sẽ vì ông mà giảng nói. Bồ tát Đại Tuệ thưa: Lành thay Thế Tôn! Xin được thọ giáo. Phật bảo Bồ tát Đại Tuệ. Năm nghiệp Vô gián, đó là giết cha mẹ, hại bậc A-la-hán, phá hoại chúng tăng, có tâm ác làm thân Phật chảy máu Đại Tuệ! Nói giết cha mẹ ở đây là ám chỉ hai thứ căn bản của sự thọ sinh, do tham ái làm mẹ, vô minh làm cha. Đoạn trừ hai thứ căn bản ấy gọi là “Giết cha giết mẹ”. Thế nào là bậc A-la-hán? Như loài chuột phát ra chất độc, rớt ráo đều được đoạn trừ, gọi là hại A-la-hán. Thế nào là phá hoại chúng tăng? Là nói về các tướng nơi tập khí phiền não khác nhau của Ấn hòa nhập tích tụ, tất cả đều được đoạn diệt hết, gọi là phá hoại chúng tăng. Thế nào là có tâm ác làm thân Phật chảy máu? Vì chẳng rõ bản thể của bảy thức. Thức là do tự tâm biến hiện, chẳng ngoài tự tướng, cộng tướng. Nay dùng tâm mãnh liệt của ba vô lậu giải thoát (Không, vô tướng, vô nguyện) để đoạn trừ bảy thức nơi tự tánh Phật, gọi là Tâm ác làm thân Phật chảy máu. Nếu thiện nam thiện nữ hành những nghiệp vô gián ấy gọi là năm sự vô gián, cũng gọi là đẳng vô gián”. Kệ viết:

*“Tham ái gọi là Mẹ
Rõ cảnh thức là Cha
Thức rõ cảnh là Phật
Các Sử là la hán
Ấn tập gọi là Tăng
Vô gián, lần lượt đoạn
Đó là năm Vô gián
Chẳng đọa ngục Vô gián.”*

Giải thích: Nói: “Như chất độc nơi chuột được phát khởi”: Tức ở nơi Tây Trúc có loại chuột cắn vào xương người hết sức độc. Chất độc ngấm vào trong thân, vết thương tuy sơ sài nhưng hốt nhiên gặp phải tiếng sấm động thì vết thương kia tái phát. Các thứ phiền não cũng như thế. Hốt nhiên gặp tiếng sấm của trần cảnh, tức trở lại loạn động. Phần còn lại có thể nhận biết.

- Từ câu: “Chẳng diệt Si, Ái” tiếp xuống: Là giải thích về tướng hợp nhất. Tức nơi kinh Tịnh Danh, chương Tu Bồ đề: “Người của hai Thừa diệt trừ Si, đạt được Minh, Giải thoát. Nay biết rõ là một tánh thể của không diệt tức là Minh, giải thoát. Biết rõ Lý là không hai tức khế hợp. Hợp với tướng không hợp mới là sự khế hợp đích thực.

- Sở từ câu: “Nhưng mười pháp trước ấy” tiếp xuống: Là phần phân biệt nhận định.

- Nói “Mười pháp trước, mỗi mỗi pháp đều hiện hữu khắp theo mười pháp”: Tức từ nơi cảnh giới Phật sinh ra các pháp nhỏ v.v... Từ nơi cảnh giới Pháp sinh ra các pháp nhỏ v.v... Từ tám pháp còn lại cũng vậy.

Hai: “Trong mười pháp, mỗi mỗi pháp đều có thể sinh ra mười pháp sau”: Tức như từ nơi một cảnh giới Phật có thể sinh ra mười độ như bố thí v.v... Từ nơi pháp sinh ra mười độ. Tám pháp còn lại cũng thế.

Ba: “Mười pháp sau mỗi mỗi pháp đều dung nạp đầy đủ các pháp trước”: Nghĩa là như bố thí có nhỏ có lớn, hoặc một hoặc hai, hoặc ba, bốn hoặc đầy đủ cả mười, không hẳn phải đầy đủ. Cho nên gọi là “Dung nạp đủ”. Chín độ như trì giới v.v... Đối với mười pháp trước cũng vậy.

Bốn: “Mười pháp trước, mỗi mỗi đều bao gồm hai mươi pháp sau”: Tức như từ nơi cảnh giới Phật dấy khởi bố thí nhỏ. Hoặc từ cảnh giới tạo nên bố thí lớn v.v... Hay ở nơi cảnh giới Phật tạo nên việc giữ giới nhỏ. Hoặc ở nơi cảnh giới Phật dấy khởi giới pháp lớn v.v... Lý tức sáng rõ, gọi là tư duy đó tự nhiên rõ.

- Sở câu: “Sáu tâm trên đều là phương tiện thiện xảo thù thắng”: Chung tức bảy thứ Tối thắng thành các pháp Ba-la-mật, nơi hội thứ nhất đã nêu đủ. Nhưng “Tối thắng” cũng là “Thù thắng”. Trước tuy đã giải thích, là nhằm đối chiếu với văn kinh nên cần biết ý tổng quát.

- Nói “Phương tiện thiện xảo thù thắng”: Tức tương đương với kia là phần thứ năm nói: “Chính yếu là chỗ thâm tóm của Trí vô tướng, nên sáu câu trên đều là Trí vô tướng”.

- Nói “Năm Tâm tiếp theo là thanh tịnh tối thắng”: Tương đương với kia là phần thứ bảy, nói: “Chính là chẳng bị hai chướng làm gián đoạn, lẫn lộn. Trong phần riêng thì một là không chấp về pháp và thấu rõ chỉ là Tâm. Hai là lìa Sở tri chướng. Ba là thấy Tánh là Không, dứt trừ Phiền não chướng.

- “Tiếp theo có ba Tâm, tức là an trụ thù thắng”: Tương đương với kia là phần thứ nhất: “Chính yếu là an trụ nơi chủng tánh Bồ tát”.

- “Tiếp theo có hai Tâm, tức là hồi hướng thù thắng”: Tương đương với kia là phần thứ sáu: “Chính yếu là hồi hướng quả vô thượng Bồ đề. Nay nói khéo quyết đoán các nghĩa đầy đủ theo ba hồi hướng là: Quyết đoán theo trí, theo bi và thật tế. Tiếp theo có một tâm tức là Ý lạc thù thắng Tương đương với kia là phần thứ ba: “Chính yếu thương xót tất cả chúng sinh”.

- “Hai Tâm sau là sự nương dựa thù thắng”: Tương đương với phần thứ hai, chính yếu là nương dựa nơi tâm đại Bồ Đề.

- Câu “Trên là hiển bày trong sự bố thí, tức nơi sự nghiệp thù thắng”: Tức tương đương với phần thứ tư, chính yếu là cần thực hiện đầy đủ tất cả sự nghiệp.

- Từ câu: “Nêu đủ bảy thù thắng trên” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về nghĩa trước. Cho nên Luận Duy Thức nói: “Cần những thứ thuộc về bảy tối thắng thân nhiếp lãnh nhận thì mới có thể tạo lập các pháp Ba-la-mật đa.” Do chỗ giải thích văn kinh ở trên là cùng phù hợp.

- Sở câu: “Khéo hướng tới sự thực hành của quả vị nơi phần Hiền Thủ”: Tức là viên dung nơi quả vị của mười Tín. Chủng tánh tức là mười Trụ. Giải Hành tuy chung cho ba Hiền. Nhưng nay chính là dùng hai quả vị của Hạnh, Hưởng. Cho nên, sự phát tâm của Giải Hành ở nơi thập Hạnh là phát tâm Hồi Hưởng.

- Sở câu: “Kinh Mật Tích Lực Sĩ, quyển thứ hai đã nêu đủ”: Cũng đến Hồi Hưởng thứ mười sẽ biện minh.

“Luận Trang Nghiêm cũng dẫn kinh này” Tức nơi quyển thứ sáu, kệ viết:

*“Bồ tát tự thành tựu
Như nghĩa trước nên biết
Thanh có sáu mươi thứ
Là nói sự Như Lai”.*

Trong phần giải thích của văn xuôi đã nêu dẫn đủ kinh Phật Bí Mật, tức là kinh Mật Tích. Đến phần sau sẽ biện minh.

- Sở câu: “Lại có chỗ nói sáu mươi bốn thứ âm thanh”: Luận Du Già v.v... nói có tám thứ chuyển thanh nơi phần Sở giải chỉ nêu lên tên gọi theo ngôn ngữ của đời Đường. Nay gồm luôn việc làm rõ âm Phạm. Theo pháp của các nước Tây Vực, nếu muốn tìm đọc các thứ sách vở trong ngoài, thì cần phải hiểu rõ về Thanh Luận, tức tám thứ chuyển thanh này mới nhận biết về chỗ sai biệt nơi văn nghĩa.

Một: “Bổ Lư Sa”: Đây là âm thanh nêu bày thắng. Như người nọ chặt cây, chỉ thẳng nói người đó, tức khiến hiểu về thể

Hai: “Bổ Lư Sam”: Là âm thanh của nghiệp tạo ra. Như hành động chặt cây.

Ba: “Bổ Lư Tế Noa”: Là âm thanh nơi dụng cụ của chủ thể tạo tác. Như búa chặt cây.

Bốn: “Bổ Lư Sa Da”: Là âm thanh của vì đối tượng làm ra. Như

vì người chặt cây.

Năm: “Bổ Lư Sa Đả”: Là âm thanh của nhân tố làm ra. Như nhờ người mà có xây nhà v.v...

Sáu: “Bổ Lư Sát Bà”: Là âm thanh của sự lệ thuộc. Như tôi tớ lệ thuộc chủ.

Bảy: “Bổ Lư Sát”: Là âm thanh của chỗ nương tựa. Như khách dựa vào chủ.

Tám: “Ê Bổ Lư Sa”: Là âm thanh của sự kêu, gọi.

Luận Du Già quyển thứ hai gọi bảy loại trước là bảy loại câu mẫu.

Tuy nhiên, tám thứ âm thanh này mỗi thứ đều có ba loại: “Âm thanh nam, Âm thanh nữ, Âm thanh chẳng phải là nam chẳng phải là nữ.

Trên đây là căn cứ hoàn toàn nơi âm thanh nam mà nêu bày, do tiếng Phạm gọi Trưởng phu là Lư Sa.

- Số câu: “Tám thứ chuyển thanh đều có đủ tám đức”: Tức tám Phạm âm, nơi phẩm Hiền Thủ đã nêu rõ, nay sẽ nói lại:

Một là điều hòa, tức là lớn nhỏ đều đạt được chỗ trung hòa.

Hai là mềm dịu, tức ngôn từ không thô thiển.

Ba là “Đế liễu” cũng gọi là “Hết sức tốt đẹp như tiếng chim Ca Lăng Tần Già v.v...

Bốn là dễ lãnh hội, cũng gọi là “dễ thấu đạt”, tức ngôn từ biện giải thấu đáo.

Năm là không sai lầm, cũng gọi là “chẳng nhầm lẫn”, tức ngôn từ không hề sai trái, nhầm lẫn.

Sáu là không nhỏ yếu, cũng gọi “Chẳng là nữ” tức âm thanh mạnh mẽ rõ ràng.

Bảy là rộng lớn, cũng gọi là “Tôn quý, trí tuệ, tức ngôn từ không có sự sợ hãi.

Tám là sâu xa tức là phát sinh từ chỗ trung tâm nơi thân tướng (lồng ngực) Như Lai gồm đủ tám thứ âm thanh ấy.

- Số câu: “Nếu cho phần dưới đây thuộc về quả Phật ở trước”: Là lãnh hội cách giải thích khác. Tức nơi sách “San Định ký” đã giải thích cho hai đoạn đều thuộc nơi quả Phật. Cho nên nay nêu rõ tu tập Hạnh Bồ tát cùng gần gũi với bạn lành chẳng phải là thuộc về Phật .

- Số câu: “Tám cho chẳng phải là một chẳng phải là khác”: Tức nơi phần nêu lên, chỉ rõ trong phẩm mười Thông. Cho nên trong phần Thông ấy đã giảng nói rộng về nghĩa chẳng phải là một, khác.

- Từ câu: “Do thấu rõ tất cả” tiếp xuống: Là nêu ra chẳng phải là một, khác là Tương thần thông. Nếu hoàn toàn (một hướng) chẳng phải là một thì mỗi thứ ngăn ngại lẫn nhau, chẳng thể “Tương tác”. Nếu hoàn toàn chẳng phải là khác, thì không có hai có thể đạt được, lấy gì để “Cùng tạo tác?” Do chẳng phải là khác nên Lý một dung thông. Vì chẳng phải là một Sự nên có được việc “Tương tác”.

- Sở câu: “Lại nữa, chẳng phải là một, khác nên thành bốn luận chứng”:

Một: Chẳng phải một.

Hai: Chẳng phải khác.

Ba: Chẳng phải là chẳng phải một, chẳng phải là chẳng phải khác.

Bốn: Chẳng phải cũng là một, cũng là khác.

Đến phẩm mười Nhãn sẽ nêu.

- Sở câu: “Ba câu đầu hiển bày về Thắng Diệu Sinh”: Tức trong chương nói về mười độ ở trước đã dẫn Duy thức để giải thích ba kệ trước là “Tăng thượng sinh”, vì đạo cảm ứng được, của cải, thân tướng và quyến thuộc đều lớn. Mà “Thắng diệu sinh” kia tức là “Tăng thượng sinh”, tên gọi khác nhưng nghĩa thì đồng.

Ba kệ sau là xác định về đạo thù thắng.

- Sở câu: “Sáu là chính thức hỗ trợ, không trái nhau”: Tức kinh nói về Nghiệp đạo chẳng trái với Nghiệp, Nghiệp chẳng trái với Nghiệp đạo. Luận Câu Xá, phẩm Nghiệp, viết: “Cùng được gọi Một là giới: Hai là Diệu Hạnh. Ba là Nghiệp. Bốn là Luật Nghi. Năm là Biệt giải thoát (chính là hiểu và vô biểu của Sát na đầu tiên). Sáu là Nghiệp đạo.

Giải thích: Ở đây có sáu tên gọi. Nay, đang nói tức là tên thứ sáu (Nghiệp đạo) Phần Luận Sở giải thích: “Lại, Niệm thứ nhất ấy cũng gọi là “Nghiệp đạo”, tức tên gọi thứ sáu. Gốc câu mong đặc Giới là Tư. Nay nói rõ ráo thì dựa nơi nghiệp thuận theo nghĩa để lập tên gọi Nghiệp đạo. Tư của trước khi nhận giới, gọi đó là Nghiệp. Niệm đầu tiên đặc Giới thể gọi đó là Đạo. Vì do Tư (tư duy) dẫn dắt nên đạo thuộc về nghiệp mà gọi là Nghiệp đạo. Do đó, sát na đầu tiên gọi là Biệt giải thoát, tức là sự dứt trừ ác đầu tiên. Cũng được gọi là Biệt giải thoát Luật nghi, do có thể ngăn chặn sự sai trái. Cũng có thể gọi là Nghiệp đạo căn bản, vì do thuận theo Tư mà dấy khởi. Niệm thứ hai không gọi là Nghiệp đạo vì không phải thuận theo Tư mà gọi là Hậu khởi. Nay, phần Sở giải hoàn toàn dựa vào văn của Luận Câu Xá, nên không nên dẫn thêm các giải thích khác từ xưa nay.

- Sở từ câu: “Sự sự ở đây sở dĩ không trái” tiếp xuống: Là nêu ra nguyên nhân của việc sự sự không trái. Tóm lược có ba nguyên nhân:

Một: Theo môn “Pháp tánh dung thông”.

Hai: Theo môn “Duyên khởi tương do”.

Hai môn trên tức là nghĩa “Sự sự vô ngại”.

Ba: Nêu bày trực tiếp đồng nhất với duyên khởi, thông hợp cả Sự, Lý chẳng phải là nghĩa “Vô ngại”. Như thấy một chiếc lá vàng rơi thì biết là mùa thu đã đến.

- Nói: “Cũng do hai đoạn sau nên khiến ở đây không trái”: Hai đoạn sau tức Sự - Lý không trái nhau, và Lý Lý không trái. Do đây nên khiến Sự Sự không trái, tức là đã đồng một vị nơi Sự. Lại nữa, tức Lý là do Sự tức là Lý, Lý dung thông nơi Sự, nên đạt được Sự Sự vô ngại, không trái nhau.

- Sở từ câu: “Nhưng ba đoạn trên không trái nhau” tiếp xuống: Là nhận định phân biệt tổng quát lần nữa. Gồm hai phần:

Một: Nhận định phân biệt về loại đồng dị

Hai: Từ câu: “Chia ra ở đây tức có bốn câu” (Luận chứng) tiếp xuống: Là nhận định phân biệt về các lượt Luận chứng. Chỉ căn cứ nơi cõi chúng sinh để tạo thành các lớp luận chứng:

Thứ nhất: Bốn luận chứng căn bản.

Thứ hai: Lý Sự phối hợp trên cõi, thành bốn luận chứng

Thứ ba: Căn cứ Lý Sự phối hợp trên thân chúng sanh thành bốn luận chứng.

Hai lớp bốn luận chứng của thứ hai, ba này chỉ là Sự Lý không ngăn ngại.

Thứ tư: Dùng Sự của cõi đối hợp với Lý của chúng sinh làm bốn luận chứng.

Thứ năm: Dùng Sự của chúng sinh so sánh với Lý của cõi để thành bốn luận chứng.

Hai lớp bốn luận chứng sau câu thứ tư, thứ năm đây mới thành Sự Sự không ngăn ngại.

- Sở câu: “Hai lớp bốn luận chứng trên đều là phần đầu và phần thứ ba”: Do Sự Lý cùng đối chiếu, hướng về nhau, chỉ căn cứ nơi cùng loại nên thành tự.

- Nói “Đều là phần hai và phần thứ ba, tuy chẳng phải là Vô ngại nhưng cũng không trái nhau, nghĩa như trên đã nêu”: Do phần hai, bốn đều là “chẳng tức” nên chẳng phải là “Vô ngại”.

- Nói “Cũng không trái nhau”: Do ở trên đã đồng nhất với duyên

khởi. Tức do Sự chẳng bị hủy hoại, Tánh chẳng biến đổi, nên đều đồng nhất với duyên khởi.

- Sớ câu: “Trong đó, hai câu đầu là đoạn thứ ba, Lý Lý không trái”:

Một là cõi không tánh tức chúng sinh không tánh.

Hai là do Lý đồng.

Nói “Do không có thể tức thì cũng không có thể trái”: Là giải

thích câu thứ hai nghĩa là Lý Lý không trái nhau.

- Sở câu: “Luận chứng thứ tư tuy chẳng phải là Vô ngại nhưng cũng không trái nhau”: Luận chứng thứ tư chẳng ngăn ngại, cả hai cùng tồn tại nên chẳng phải là Vô ngại, mà cũng đồng là một duyên khởi. Lại nữa, trong lớp bốn luận chứng thứ năm cũng không trái nhau, đều đồng với hai lớp Luận chứng thứ hai, ba cũng chẳng trái nhau.

- Sở câu: “Về lớp bốn luận chứng thứ năm, nói: Trong đó, câu một và câu thứ ba là đoạn thứ hai, Lý Sự không trái. Lý Sự cùng đối chiếu là khác loại”: Do đem cõi so sánh với chúng sinh là Vô tánh, mà chúng sinh cùng với cõi là khác loại vậy.

